

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/2013/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 10 tháng 10 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về chế độ hỗ trợ, khuyến khích đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng; chính sách thu hút người có trình độ chuyên môn cao về công tác tại tỉnh Lạng Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2013/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn về chế độ hỗ trợ, khuyến khích đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng; chính sách thu hút người có trình độ chuyên môn cao về công tác tại tỉnh Lạng Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 282/TTr-SNV ngày 23 tháng 9 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chế độ hỗ trợ, khuyến khích đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng; chính sách thu hút người có trình độ chuyên môn cao về công tác tại tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 28/2008/QĐ-UBND ngày 26/11/2008 của UBND tỉnh về việc ban

hành Quy định về quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng và chế độ hỗ trợ, khuyến khích đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng; chính sách thu hút người có trình độ chuyên môn cao về công tác tại tỉnh Lạng Sơn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vy Văn Thành

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về chế độ hỗ trợ, khuyến khích đối với cán bộ, công chức, viên chức
được cử đi đào tạo, bồi dưỡng; chính sách thu hút người
có trình độ chuyên môn cao về công tác tại tỉnh Lạng Sơn**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 23/2013/QĐ-UBND
ngày 10/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về chế độ hỗ trợ, khuyến khích đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng (ngoài chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng đã được hưởng theo quy định tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức) và chính sách thu hút đối với người có trình độ chuyên môn cao về công tác tại tỉnh Lạng Sơn.

Chương II CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH CỤ THỂ

Điều 2. Chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng

1. Đối tượng áp dụng:

- a) Cán bộ, công chức cấp xã thuộc khu vực II, khu vực III của tỉnh.
- b) Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thuộc khu vực II, khu vực III của tỉnh.
- c) Đối tượng tạo nguồn đối với chức danh Trưởng công an xã và Chỉ huy trưởng quân sự xã thuộc khu vực II, khu vực III của tỉnh.

Các đối tượng trên sau đây gọi chung là học viên.

2. Điều kiện được hưởng hỗ trợ:

Học viên được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng phải đủ các điều kiện sau đây:

- a) Học viên phải nằm trong diện quy hoạch, kế hoạch cử đi đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan, đơn vị theo quy định.

b) Đối với chương trình bồi dưỡng, thời gian học phải từ 01 tháng trở lên và được cấp chứng chỉ.

c) Học viên đã hoàn thành khóa đào tạo được cấp bằng tốt nghiệp.

3. Chế độ hỗ trợ:

Học viên thuộc các đối tượng trên được hỗ trợ với các mức như sau:

a) Đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng được hỗ trợ **05** lần mức lương cơ sở/khóa đào tạo.

b) Đào tạo nâng cao trình độ từ trung cấp lên đại học được hỗ trợ **06** lần mức lương cơ sở/khóa đào tạo.

c) Đào tạo nâng cao trình độ từ cao đẳng lên đại học được hỗ trợ **03** lần mức lương cơ sở /khóa đào tạo.

d) Bồi dưỡng các lớp có thời gian học từ **01** tháng đến dưới **03** tháng được hỗ trợ **0,3** lần mức lương cơ sở /khóa bồi dưỡng.

đ) Bồi dưỡng các lớp có thời gian học từ **03** tháng trở lên được hỗ trợ **0,5** lần mức lương cơ sở /khóa bồi dưỡng.

4. Đền bù chi phí hỗ trợ:

Những trường hợp đã được hưởng chế độ hỗ trợ đào tạo theo quy định tại Điều này phải đền bù 100% chi phí hỗ trợ nếu học viên tự ý bỏ việc, thôi việc, xin chuyển công tác ra khỏi tỉnh hoặc không tuân theo sự phân công công tác của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 3. Chế độ khuyến khích đào tạo

1. Đối tượng áp dụng:

Cán bộ, công chức, viên chức nằm trong diện quy hoạch, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của cơ quan, đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, được cử đi đào tạo đại học và sau đại học tại các cơ sở đào tạo trong nước, các cơ sở đào tạo trong nước liên kết với nước ngoài và tại nước ngoài thuộc danh mục các chuyên ngành, trình độ đào tạo tỉnh cần khuyến khích.

2. Điều kiện được hưởng chế độ khuyến khích:

Cán bộ, công chức, viên chức được hưởng chế độ khuyến khích phải đủ các điều kiện sau đây:

a) Cán bộ, công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền quyết định cử đi đào tạo trình độ đại học, sau đại học có chuyên ngành phù hợp với chuyên ngành đã đào tạo trước đó hoặc phù hợp với vị trí việc làm đang đảm nhiệm; thuộc danh mục các chuyên ngành, trình độ tỉnh cần khuyến khích đào tạo do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

b) Có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở lên, trong đó có ít nhất 03 năm liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ liền kề với thời điểm được cử đi đào tạo; tuổi đời không

quá **35** tuổi đối với đào tạo đại học và không quá **40** tuổi đối với đào tạo sau đại học lần đầu tính từ thời điểm được cử đi đào tạo.

c) Đã tốt nghiệp trình độ đại học hệ chính quy tập trung đối với những trường hợp cử đi đào tạo sau đại học.

d) Có cam kết trở về phục vụ công tác tại tỉnh với thời gian ít nhất là **10** năm sau khi đã hoàn thành khóa đào tạo.

đ) Đã có Bằng tốt nghiệp và trở về công tác tại tỉnh theo cam kết.

3. Chế độ khuyến khích:

a) Đào tạo trình độ Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên khoa II, Dược sĩ chuyên khoa II được khuyến khích bằng **60** lần mức lương cơ sở/người.

b) Đào tạo trình độ Thạc sĩ, Bác sĩ chuyên khoa I, Dược sĩ chuyên khoa I được khuyến khích bằng **40** lần mức lương cơ sở/người.

c) Đào tạo trình độ đại học được khuyến khích bằng **20** lần mức lương cơ sở/người.

Riêng đối với nữ giới được cử đi đào tạo, còn được hưởng thêm **10%** các mức khuyến khích tương ứng nêu trên.

4. Đền bù chi phí khuyến khích:

Những trường hợp đã được hưởng chế độ khuyến khích một lần sau khi tốt nghiệp đào tạo trình độ đại học, sau đại học mà chưa hết thời gian phục vụ theo cam kết, tự ý bỏ việc hoặc xin chuyển công tác ra khỏi tỉnh, không tuân theo sự phân công công tác của cơ quan có thẩm quyền, phải đền bù 100% kinh phí khuyến khích đã được hưởng.

5. Riêng đối với viên chức công tác trong ngành giáo dục không nằm trong diện quy hoạch, kế hoạch được cử đi đào tạo sau đại học, nhưng có nguyện vọng xin đi đào tạo sau đại học diện ngoài kế hoạch, tự túc kinh phí đào tạo, có chuyên ngành, trình độ thuộc danh mục các chuyên ngành, trình độ đào tạo tỉnh cần khuyến khích, thì được xem xét cử đi đào tạo nhưng không được hưởng chế độ khuyến khích nêu trên.

Điều 4. Chính sách thu hút người có trình độ chuyên môn cao về công tác tại tỉnh

1. Đối tượng áp dụng:

a) Những người có trình độ: Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên khoa II, Dược sĩ chuyên khoa II; Thạc sĩ, Bác sĩ chuyên khoa I, Dược sĩ chuyên khoa I, Bác sĩ đào tạo hệ chính quy, có kinh nghiệm, có năng lực thực tiễn, có tuổi đời không quá **50** tuổi đối với nam, **45** tuổi đối với nữ.

b) Những người có trình độ, năng khiếu hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật được phong tặng danh hiệu cao quý của nhà nước như Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú, có tuổi đời không quá **50** tuổi đối với nam, **45** tuổi đối với nữ.

c) Những người có trình độ, năng khiếu hoạt động trong lĩnh vực thể dục thể thao được phong tặng danh hiệu Vận động viên cấp kiện tướng, Vận động viên cấp I có tuổi đời không quá **30** tuổi.

2. Điều kiện được hưởng chính sách thu hút:

Người có trình độ chuyên môn cao được hưởng chính sách thu hút phải đủ các điều kiện sau đây:

a) Người có trình độ Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên khoa II, Dược sĩ chuyên khoa II; Thạc sĩ, Bác sĩ chuyên khoa I, Dược sĩ chuyên khoa I, Bác sĩ đào tạo hệ chính quy; Nghệ sĩ, vận động viên phải nằm trong danh mục các chuyên ngành, trình độ cần thu hút do Ủy ban nhân tỉnh ban hành.

b) Được tiếp nhận hoặc tuyển dụng vào làm việc tại các cơ quan Đảng, đoàn thể; cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh.

c) Có cam kết phục vụ công tác tại tỉnh với thời gian ít nhất là 10 năm.

3. Chính sách thu hút:

a) Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên khoa II, Dược sĩ chuyên khoa II, Nghệ sĩ nhân dân: **100** lần mức lương cơ sở/người;

b) Thạc sĩ, Bác sĩ chuyên khoa I, Dược sĩ chuyên khoa I, Nghệ sĩ ưu tú: **60** lần mức lương cơ sở/người;

c) Bác sĩ đào tạo hệ chính quy, Vận động viên cấp kiện tướng, Vận động viên cấp I: **30** lần mức lương cơ sở/người;

4. Đền bù chi phí thu hút:

Những người có trình độ chuyên môn cao về công tác tại tỉnh, đã được hưởng chính sách thu hút mà chưa hết thời gian yêu cầu phục vụ theo cam kết mà tự ý bỏ việc; xin chuyển công tác ra khỏi tỉnh thì phải bồi thường 100% kinh phí thu hút đã được hưởng.

5. Trường hợp không được hưởng chính sách thu hút:

Những trường hợp được tuyển dụng lại; được điều động, tiếp nhận giữa các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn tỉnh không được hưởng chính sách thu hút theo quy định này.

Điều 5. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ, khuyến khích đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện chính sách thu hút theo quy định này được bố trí từ nguồn ngân sách dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng hàng năm của tỉnh.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Sở Nội vụ

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh mục các chuyên ngành, trình độ tỉnh cần khuyến khích đào tạo và thu hút; trường hợp đặc biệt khác thực hiện theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Tổng hợp, thẩm định hồ sơ đề nghị thanh toán chế độ hỗ trợ, khuyến khích và chính sách thu hút khỏi quản lý nhà nước, gửi Sở Tài chính kiểm tra, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện thu hồi kinh phí đền bù hỗ trợ, khuyến khích và thu hút theo quy định.

Điều 7. Sở Tài chính

1. Cân đối nguồn ngân sách hàng năm để thực hiện các nhiệm vụ về đào tạo, bồi dưỡng và thu hút theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh;

2. Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan hướng dẫn quy trình, thủ tục thanh toán chế độ hỗ trợ, khuyến khích và chính sách thu hút; Hướng dẫn, kiểm tra việc cấp và quyết toán kinh phí cho các đối tượng được hưởng chế độ hỗ trợ, khuyến khích đào tạo, bồi dưỡng và chính sách thu hút đảm bảo có hiệu quả, theo đúng quy định.

Điều 8. Các Sở, ban, ngành của tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc xây dựng, ban hành danh mục các chuyên ngành, trình độ tỉnh cần khuyến khích đào tạo và thu hút đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển nguồn nhân lực của tỉnh trong từng thời kỳ.

2. Lập hồ sơ đề nghị thanh toán chế độ, chính sách hỗ trợ, khuyến khích và thu hút gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 9. Quy định chuyển tiếp

1. Những trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng; được tiếp nhận, tuyển dụng vào làm việc tại các cơ quan Đảng, đoàn thể, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh theo chính sách thu hút trước thời điểm Nghị quyết số 111/2013/NQ-HĐND ngày 31/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh có hiệu lực thi hành, đủ điều kiện được hưởng chế độ hỗ trợ, khuyến khích, chính sách thu hút theo quy định tại Nghị quyết số 09/2008/NQ-HĐND ngày 21/7/2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 28/2008/QĐ-UBND ngày 26/11/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh, thì được hưởng chế độ hỗ trợ, khuyến khích và chính sách thu hút theo quy định tại Nghị quyết số 09/2008/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 28/2008/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Những trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, được tiếp nhận, tuyển dụng kể từ ngày 10/8/2013 (thời điểm Nghị quyết số 111/2013/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh có hiệu lực thi hành) thì được hưởng chế độ hỗ trợ, khuyến khích và chính sách thu hút theo quy định tại Nghị

quyết số 111/2013/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định này của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 10. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Nội vụ để xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vy Văn Thành